

3. Các đơn vị được phép nghiên cứu, sản xuất chất ma túy, tiền chất vì mục đích quốc phòng, an ninh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về hoạt động và chịu sự theo dõi, kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng theo quy định tại Điều này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục giám định chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất theo quy định của Luật Giám định tư pháp, Bộ luật Tố tụng hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 25. Kiểm soát các hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển chất ma túy, tiền chất vì mục đích quốc phòng, an ninh

1. Các đơn vị có hoạt động quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Nghị định này gửi hồ sơ đề nghị cấp phép về Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép và các điều kiện, tiêu chuẩn cho phép nhập khẩu, xuất khẩu và vận chuyển chất ma túy, tiền chất vì mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 20 của Nghị định này. Tùy từng trường hợp, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định loại trừ một số điều kiện, tiêu chuẩn và tài liệu cụ thể ít hoặc không liên quan đến hoạt động quốc phòng, an ninh hoặc trường hợp đáp ứng yêu cầu cấp bách cho quốc phòng, an ninh.

3. Cơ quan cấp phép thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng là đơn vị tiếp nhận hồ sơ, xem xét, đánh giá và tổ chức các hoạt động thẩm định, cấp giấy phép và theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển chất ma túy, tiền chất vì mục đích quốc phòng, an ninh của các đơn vị được cấp phép theo quy định.

4. Các đơn vị được phép nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển chất ma túy, tiền chất vì mục đích quốc phòng, an ninh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển và chịu sự theo dõi, kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng theo quy định tại Điều này, Điều 17, Điều 20 của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Quy định về hoạt động bảo quản, tồn trữ, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất vì mục đích quốc phòng, an ninh

1. Đơn vị được tiến hành các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh được quy định tại Điều 23 của Nghị định này có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động bảo quản, tồn trữ, phân phôi, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất trong cơ quan đảm bảo tuyệt đối an toàn và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhầm lẫn, thất thoát các chất đó;

b) Chấp hành việc theo dõi, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng đối với các hoạt động bảo quản, tồn trữ, phân phôi, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất tại cơ quan, đơn vị.

2. Đơn vị chức năng thuộc Bộ Công an chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc các bộ, ngành có liên quan tiến hành theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động bảo quản, tồn trữ, phân phôi, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất vì mục đích quốc phòng, an ninh đối với các đơn vị theo quy định tại khoản 1 của Điều này.

Điều 27. Quy định việc nhập khẩu mẫu, lấy mẫu chất ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh

1. Nguồn mẫu chất ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh bao gồm:

- a) Mẫu chất ma túy từ nguồn nhập khẩu;
- b) Mẫu chất ma túy là vật chứng từ các vụ án về tội phạm ma túy;
- c) Mẫu chất ma túy là sản phẩm từ các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh phục vụ công tác giám định, huấn luyện nghiệp vụ phòng, chống tội phạm về ma túy và mẫu nguồn hơi chất ma túy huấn luyện động vật nghiệp vụ.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu mẫu chất ma túy bao gồm:

- a) Văn bản chứng minh nguồn kinh phí hợp pháp;
- b) Kế hoạch dự trù đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Văn bản thông báo hàng viện trợ (nếu là hàng viện trợ);
- d) Công văn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu của Viện Khoa học hình sự.

3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu mẫu chất ma túy

- a) Căn cứ vào dự trù nhu cầu sử dụng mẫu chất ma túy đã được Bộ Công an phê duyệt, Viện Khoa học hình sự lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu gửi cơ quan cấp phép thẩm định;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép có trách nhiệm thẩm định và cấp giấy phép nhập khẩu;

Giấy phép nhập khẩu mẫu chất ma túy được làm thành 05 bộ (mỗi bộ gồm 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh) gửi cho Viện Khoa học hình sự (02 bộ); Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) và lưu tại cơ quan cấp phép mỗi nơi 01 bộ;

c) Sau khi được cấp Giấy phép nhập khẩu, Viện Khoa học hình sự tiến hành các thủ tục nhập khẩu: Ký hợp đồng với đối tác được phê duyệt ủy thác nhập khẩu (trường hợp được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Tài chính cho mua để sử dụng); phối hợp với đại diện đối tác viện trợ làm thủ tục nhập khẩu (nếu có).

4. Lấy mẫu chất ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh

a) Việc lấy mẫu chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này để trung cầu giám định phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội phạm ma túy thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

b) Hàng năm hoặc khi có nhu cầu bổ sung mẫu chất ma túy phục vụ công tác giám định, huấn luyện nghiệp vụ phòng, chống tội phạm về ma túy và huấn luyện động vật nghiệp vụ, Viện trưởng Viện Khoa học hình sự đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt kế hoạch lấy mẫu chất ma túy là sản phẩm từ các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh. Các đơn vị được phép tiến hành các hoạt động sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Nghị định này có trách nhiệm bàn giao mẫu chất ma túy về Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an theo kế hoạch được phê duyệt.

Điều 28. Quy định việc bảo quản, phân phối, sử dụng mẫu chất ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh

1. Mẫu chất ma túy phải được lưu trữ và bảo quản tại các kho lưu mẫu chất ma túy quốc gia và kho lưu mẫu chất ma túy trung gian.

a) Kho lưu mẫu chất ma túy quốc gia là nơi tiếp nhận mẫu theo các nguồn quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị định này do Trung tâm giám định ma túy thuộc Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an trực tiếp quản lý, bảo quản và phân phối cho các cơ quan được sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 23 của Nghị định này;

b) Kho lưu mẫu chất ma túy trung gian tại các cơ quan theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 23 của Nghị định này, bao gồm:

- Kho lưu mẫu chất ma túy trung gian tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là nơi tiếp nhận mẫu chất ma túy từ Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an do Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp quản lý và thực hiện giám định, huấn luyện nghiệp vụ phòng, chống tội phạm về ma túy và truy nguyên nguồn gốc ma túy;

- Kho lưu mẫu chất ma túy trung gian tại Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) là nơi tiếp nhận mẫu chất ma túy từ Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an do cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy và các cơ sở đào tạo người làm công tác phòng, chống ma túy, huấn luyện động vật nghiệp vụ chuyên khoa phát hiện ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Tổng cục Hải quan trực tiếp quản lý, sử dụng để đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ phòng, chống tội phạm về ma túy;

- Kho lưu mẫu chất ma túy trung gian tại các cơ sở đào tạo người làm công tác phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ Công an là nơi tiếp nhận và trực tiếp quản lý mẫu chất ma túy từ Viện Khoa học hình sự Bộ Công an để sử dụng huấn luyện nghiệp vụ phòng, chống tội phạm về ma túy;

- Kho lưu mẫu chất ma túy trung gian tại Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động là nơi tiếp nhận mẫu chất ma túy từ Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an do đơn vị Hướng dẫn huấn luyện, sử dụng động vật nghiệp vụ trực tiếp quản lý, sử dụng để huấn luyện động vật nghiệp vụ.

2. Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tổ chức phân phối, bàn giao mẫu chất ma túy theo kế hoạch được phê duyệt, tiếp nhận mẫu chất ma túy không còn sử dụng của các đơn vị, tiến hành theo dõi, kiểm tra việc sử dụng tại các đơn vị và đánh giá chất lượng mẫu chất ma túy còn tồn trữ tại kho lưu mẫu chất ma túy trung gian để đề xuất xử lý theo quy định tại Điều 29 của Nghị định này.

3. Các đơn vị sử dụng khi không còn nhu cầu sử dụng mẫu chất ma túy phải bàn giao lại cho Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an.

4. Các đơn vị được tiến hành các hoạt động theo quy định tại khoản 1 của Điều này có trách nhiệm thực hiện các quy định về hoạt động bảo quản, phân phối, sử dụng mẫu chất ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh theo quy định tại Điều 26 của Nghị định này.

Điều 29. Quy định về xử lý mẫu chất ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh

1. Định kỳ hàng năm, Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng mẫu chất ma túy còn tồn trữ tại các kho lưu mẫu chất ma túy trung gian và tự kiểm tra, đánh giá chất lượng mẫu chất ma túy còn tồn trữ tại kho lưu trữ mẫu chất ma túy quốc gia.

2. Trường hợp bị nhầm lẫn hoặc thất thoát mẫu chất ma túy, các đơn vị phải báo cáo ngay với cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Khi nhận được báo cáo, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phải tiến hành ngay việc thẩm tra, xác minh để có biện pháp xử lý thích hợp và gửi báo cáo về Bộ Công an (qua Viện Khoa học hình sự).

3. Khi mẫu chất ma túy tồn trữ nhiều hoặc bị giảm chất lượng sau khi đã sử dụng hoặc bị biến đổi do thời hạn bảo quản thì Viện trưởng Viện Khoa học hình sự phải có văn bản báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an về tình trạng mẫu (ghi rõ tên, số lượng, nồng độ, hàm lượng, lý do và phương pháp xử lý) để xem xét và thành lập Hội đồng tiêu hủy.

4. Hội đồng tiêu hủy mẫu chất ma túy bao gồm: Lãnh đạo Viện Khoa học hình sự là Chủ tịch Hội đồng, thành viên gồm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, người phụ trách kho lưu trữ mẫu quốc gia và Giám đốc Trung tâm Giám định ma túy, Viện Khoa học hình sự là Ủy viên thư ký.

5. Trình tự, thủ tục tiêu hủy mẫu chất ma túy thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự về tiêu hủy vật chứng và phải lập biên bản, chụp ảnh, lưu hồ sơ theo quy định tại Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an.

Điều 30. Lập dự trù, hồ sơ, chế độ báo cáo và kinh phí thực hiện việc nhập khẩu, lấy mẫu chất ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh

1. Định kỳ hằng năm, các đơn vị được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 23 của Nghị định này lập dự trù và gửi đăng ký số lượng mẫu chất ma túy về Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an trước ngày 15 tháng 01 để tổng hợp, đối chiếu số lượng tồn trữ và đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt kế hoạch dự trù, phân phối mẫu chất ma túy và kế hoạch nhập khẩu, lấy mẫu chất ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Đơn vị sử dụng mẫu chất ma túy phải mờ sổ theo dõi việc sử dụng. Viện Khoa học hình sự mở sổ theo dõi nhập, xuất kho, giao nhận và sử dụng tại đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo quy định của Bộ Công an. Các tài liệu liên quan phải được lưu giữ, quản lý theo quy định.

a) Đối với mẫu chất ma túy phục vụ truy nguyên nguồn gốc phải thực hiện theo đúng quy định về giám định truy nguyên nguồn gốc. Lập biên bản hoặc sổ ghi đầy đủ quá trình sử dụng mẫu có chữ ký xác nhận của người tham gia phân tích mẫu và lãnh đạo quản lý trực tiếp;

b) Các phòng thí nghiệm giám định sử dụng mẫu chuẩn phục vụ giám định phải mờ sổ theo dõi quá trình sử dụng mẫu có chữ ký xác nhận của người tham gia phân tích mẫu và lãnh đạo quản lý trực tiếp;

c) Các đơn vị sử dụng mẫu phục vụ huấn luyện nghiệp vụ, đào tạo, huấn luyện động vật nghiệp vụ phải lập biên bản ghi lại tình trạng và các quá trình sử dụng mẫu có chữ ký xác nhận của người trực tiếp sử dụng mẫu và lãnh đạo quản lý trực tiếp.

3. Định kỳ (6 tháng/01 năm) các đơn vị sử dụng báo cáo tình hình sử dụng mẫu chất ma túy về Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an trước ngày 15 tháng 7 (số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo) và ngày 15 tháng 01 hàng năm (tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo). Viện Khoa học hình sự tổng hợp kết quả nhập khẩu, lấy mẫu, phân phối, sử dụng, tiêu hủy và tồn kho mẫu chất ma túy gửi báo cáo Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao.

4. Kinh phí thực hiện việc nhập khẩu, lấy mẫu, xử lý mẫu chất ma túy chỉ từ ngân sách nhà nước thường xuyên của Bộ Công an. Kinh phí đảm bảo các điều kiện bảo quản mẫu chất ma túy chỉ từ ngân sách nhà nước thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương.

Điều 31. Trách nhiệm kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm

1. Các đơn vị có hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền và tổng hợp báo cáo về Bộ Công an.

2. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng của các bộ, ngành, địa phương tiến hành kiểm tra, giám sát và đề xuất xử lý hoặc xử lý vi phạm pháp luật theo thẩm quyền.

Mục 4

LẬP HỒ SƠ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY

Điều 32. Lập hồ sơ

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tiến hành các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Phòng, chống ma túy phải lập hồ sơ theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành, trong đó phải đảm bảo bao gồm các nội dung sau:

a) Cơ quan, tổ chức có hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất phải lưu trữ số liệu theo dõi số lượng, chất lượng, thời hạn sử dụng, quy trình sản xuất; số liệu về xuất, nhập, tồn kho; phiếu xuất, nhập kho;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập phải lưu trữ số liệu nhập, xuất, tồn kho và hóa đơn, chứng từ, tài liệu có liên quan đối với từng chất theo danh mục tại Nghị định quy định các Danh mục chất ma túy và tiền chất của Chính phủ.

2. Hồ sơ, chứng từ phải lưu giữ trong thời hạn theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành. Hết thời hạn lưu giữ sổ sách, chứng từ, thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm lập Hội đồng để tiến hành huỷ sổ sách, chứng từ đó và phải lập biên bản.

Điều 33. Chế độ báo cáo

1. Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy của lĩnh vực quản lý trên phạm vi toàn quốc và thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng (số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo)/1 năm (số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo) gửi Bộ Công an để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trên phạm vi toàn quốc (số lượng thực tế, số vụ việc vi phạm, hình thức xử lý và các thông tin khác có liên quan) và thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng (số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo)/1 năm (số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo) gửi Bộ Công an để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình tiến hành các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy đều phải báo cáo khẩn tới cơ quan quản lý trực tiếp trong trường hợp có sự nhầm lẫn, ngộ độc, bị thất thoát các chất này.

4. Khi chất ma túy, tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất không thuộc quy định của Điều 21 Luật Phòng, chống ma túy cần xử lý thì đơn vị quản lý phải báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp, ghi rõ lý do, phương pháp xử lý. Việc xử lý chỉ được thực hiện khi cơ quan cấp trên có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản. Thủ trưởng đơn vị phải thành lập hội đồng xử lý và lập biên bản xử lý, báo cáo lên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và gửi Bộ Công an để theo dõi, quản lý.

Điều 34. Lập dự trù

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu nhập khẩu, xuất khẩu đối với chất ma túy, tiền chất thuộc danh mục phải dự trù theo quy định của các Công ước quốc tế về kiểm soát ma túy, hằng năm gửi đăng ký dự trù nhu cầu về cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ quản lý chuyên ngành.

2. Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp dự trù nhu cầu nhập khẩu, xuất khẩu chất ma túy, tiền chất quy định tại khoản 1 của Điều này theo mẫu dự trù của Ủy ban kiểm soát ma túy quốc tế Liên hợp quốc và gửi Bộ Công an trước ngày 31 tháng 3 hằng năm. Trường hợp nhu cầu vượt quá dự trù hoặc có thay đổi khác, các bộ thông báo bằng văn bản về Bộ Công an để thực hiện đăng ký bổ sung trước ngày 31 tháng 5 và trước ngày 30 tháng 9 của năm đăng ký.

3. Bộ Công an tổng hợp, rà soát, đối chiếu nhu cầu và kết quả nhập khẩu, xuất khẩu của năm trước, thực hiện việc đăng ký nhu cầu với Ủy ban kiểm soát ma túy quốc tế Liên hợp quốc và theo dõi, thực hiện thông báo tiền xuất khẩu với các nước theo quy định; đồng thời gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để phối hợp theo dõi.

Mục 5 PHỐI HỢP KIỂM SOÁT CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY

Điều 35. Nội dung và cơ chế phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy

1. Phối hợp kiểm soát các hoạt động nghiên cứu, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

a) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tiến hành theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nghiên cứu, sản xuất, vận chuyển chất ma túy, tiền chất theo quy định;

b) Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) và Bộ Quốc phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn, kiểm tra cơ quan chức năng của các địa phương tiến hành kiểm soát hoạt động bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất của các đơn vị có hoạt động sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp thực hiện kiểm soát các hoạt động vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất tại địa phương.

2. Phối hợp kiểm soát các hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

a) Phối hợp kiểm soát trong thông báo tiền xuất khẩu đối với hoạt động nhập khẩu các tiền chất từ nước ngoài vào Việt Nam (áp dụng đối với hoạt động nhập khẩu từ các nước tham gia Điều 12 Công ước năm 1988 của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần):

Trên cơ sở giấy phép nhập khẩu do các bộ chức năng cấp gửi đến Bộ Công an hoặc thông tin giấy phép nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, trong thời hạn chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của nước xuất khẩu, Bộ Công an có trách nhiệm trả lời nước xuất khẩu về tính hợp pháp của lô hàng. Trong trường hợp Bộ Công an không nhận được giấy phép nhập khẩu đối với lô hàng được thông báo, Bộ Công an có trách nhiệm đề nghị nước xuất khẩu tạm dừng việc xuất khẩu lô hàng sang Việt Nam và gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để theo dõi;

b) Phối hợp kiểm soát trong thông báo tiền xuất khẩu đối với hoạt động xuất khẩu tiền chất từ Việt Nam ra nước ngoài (áp dụng đối với hoạt động xuất khẩu sang các nước tham gia Điều 12 Công ước năm 1988 của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần), bao gồm cả dạng đơn chất và dạng phối hợp;

Trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an những thông tin về tên, địa chỉ tổ chức đề nghị cấp phép xuất khẩu; tên gọi, hàm lượng, số lượng tiền chất; tên, địa chỉ tổ chức nhập khẩu; tên cửa khẩu có hàng xuất khẩu đi qua để ra thông báo tiền xuất khẩu đối với lô hàng cho cơ quan chức năng của nước nhập khẩu.

Trong thời hạn chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan có thẩm quyền cấp phép, Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện thông báo tiền xuất khẩu đối với lô hàng đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu. Trong thời hạn chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ quan chức năng nước nhập khẩu, Bộ Công an có trách nhiệm trả lời cơ quan cấp phép để quyết định cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép theo thẩm quyền và gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để theo dõi;

c) Phối hợp kiểm soát hoạt động nhập khẩu chất ma túy, tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc từ nước ngoài vào Việt Nam;

Trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) về số lượng nhập khẩu thực tế đối với các chất ma túy, tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Nghị định này, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng tổ chức đánh giá kết quả nhập khẩu của năm và nhu cầu nhập khẩu các chất ma túy, tiền chất của năm tiếp theo để tổng hợp thông báo kết quả nhập khẩu, đăng ký dự trù với Ủy ban kiểm soát ma túy quốc tế Liên hợp quốc theo quy định.

d) Phối hợp kiểm soát hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập chất ma túy, tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc;

Trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập đối với chất ma túy, tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, Bộ Công Thương có trách nhiệm gửi Bộ Công an các thông tin về tên, địa chỉ doanh nghiệp đề nghị cấp phép; tên gọi, số lượng, hàm lượng chất ma túy, tiền chất; tên, địa chỉ tổ chức nhập khẩu, xuất khẩu; thời gian và tên cửa khẩu có hàng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập đi qua để thực hiện thông báo tiền xuất khẩu;

Trong thời hạn chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin yêu cầu của Bộ Công Thương, Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện thông báo tiền xuất khẩu đối với lô hàng xin cấp giấy phép. Trong thời hạn chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của nước nhập khẩu, Bộ Công an có trách nhiệm trả lời cơ quan cấp phép để quyết định cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập theo thẩm quyền và gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để theo dõi;

đ) Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao thực hiện việc cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất, trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh và gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), Bộ Công an để theo dõi, quản lý.

4. Phối hợp trao đổi thông tin về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

a) Bộ Công an là cơ quan đầu mối trao đổi thông tin về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy với Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), Bộ Quốc phòng, các địa phương, các nước liên quan và Ủy ban Kiểm soát ma túy quốc tế Liên hợp quốc thông qua Trung tâm Dữ liệu kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy (sau đây gọi tắt là Trung tâm dữ liệu) đặt tại Bộ Công an.

Trung tâm dữ liệu do Cơ quan chức năng thuộc Bộ Công an trực tiếp quản lý, vận hành, truy cập, cập nhật, khai thác, xử lý và trao đổi thông tin với Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), Bộ Quốc phòng, các địa phương, các nước liên quan và Ủy ban Kiểm soát ma túy quốc tế Liên hợp quốc bằng phần mềm hệ thống quản lý dữ liệu về phòng, chống ma túy;

Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có tài khoản và mật khẩu riêng của phần mềm hệ thống quản lý dữ liệu về phòng, chống ma túy do Bộ Công an cung cấp để truy cập, cập nhật, khai thác và trao đổi thông tin tại Trung tâm dữ liệu, trừ những thông tin nghiệp vụ do Bộ Công an quy định;

Trường hợp cần thông tin, tài liệu không thuộc phạm vi Trung tâm dữ liệu để phục vụ công tác kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan đề nghị. Nếu từ chối cung cấp thông tin, tài liệu cơ quan được yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

b) Bộ Công an có trách nhiệm thông báo cho các bộ, ngành và các địa phương liên quan thông tin về phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm và những thông tin khác có liên quan trong quá trình kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy để các bộ, ngành và các địa phương có biện pháp chủ động ngăn chặn, phòng ngừa hiệu quả;

c) Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

Thu thập, quản lý thông tin về các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

Cung cấp những thông tin cần thiết có liên quan đến công tác kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy cho Trung tâm dữ liệu thông qua việc truy cập và cập nhật dữ liệu bằng phần mềm hệ thống quản lý dữ liệu về phòng, chống ma túy; riêng đối với giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là được chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất gửi kèm theo bản chính;

Kịp thời trao đổi, thông tin với Bộ Công an để có biện pháp phối hợp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm khi nhận được nguồn tin, tài liệu hoặc phát hiện những sai phạm trong công tác kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

d) Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đảm bảo kết nối dữ liệu và vận hành của Trung tâm dữ liệu với Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) cung cấp tài khoản và mật khẩu riêng cho Trung tâm dữ liệu để truy cập, cập nhật, khai thác và trao đổi thông tin về giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh tại Cổng thông tin một cửa quốc gia.

d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng thường xuyên trao đổi thông tin với nhau về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy tại địa phương.

5. Phối hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy

a) Bộ Công an chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), Bộ Quốc phòng hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân và địa phương thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó nhằm mục đích bất hợp pháp;

b) Các bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật theo thẩm quyền, chuyển Bộ Công an điều tra, xử lý những vụ vi phạm có dấu hiệu hình sự;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó nhằm mục đích bất hợp pháp. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật theo thẩm quyền, chuyển Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều tra, xử lý những vụ vi phạm có dấu hiệu hình sự.

Điều 36. Tổ Công tác liên ngành phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy các cấp

1. Tổ Công tác liên ngành phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy cấp trung ương.

a) Tổ Công tác liên ngành phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy cấp trung ương do Bộ Công an thành lập, quyết định ban hành quy chế và chỉ đạo hoạt động của Tổ;

b) Nhiệm vụ của Tổ Công tác liên ngành phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy cấp trung ương: Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân, địa phương thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó nhằm mục đích bất hợp pháp. Phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Tổ Công tác liên ngành phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

a) Tổ Công tác liên ngành phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy các tỉnh, thành phố do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập và quyết định ban hành quy chế, chỉ đạo hoạt động;

b) Tổ Công tác liên ngành phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy các tỉnh, thành phố có nhiệm vụ: Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn, theo dõi, kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó vào mục đích bất hợp pháp. Phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương IV QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

Điều 37. Đối tượng bị quản lý

Đối tượng bị quản lý là người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 23 của Luật Phòng, chống ma túy.

Điều 38. Căn cứ xét nghiệm người có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy

1. Một người có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Tin báo, tố giác của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh, làm rõ;

b) Thông tin, tài liệu trong các vụ vi phạm pháp luật;

c) Người có biểu hiện mất năng lực nhận thức hoặc kiểm soát hành vi nghi do sử dụng ma túy;

- d) Trên người, phương tiện, nơi ở của người đó có dấu vết của chất ma túy hoặc dụng cụ, phương tiện sử dụng trái phép chất ma túy;
- d) Người điều khiển phương tiện có biểu hiện sử dụng chất kích thích nghi là ma túy;
- e) Người có mặt tại các địa điểm có hành vi tổ chức, chứa chấp hoặc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không có lý do chính đáng.
- g) Người tự khai báo hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;
- h) Người bị phát hiện quà tang sử dụng trái phép chất ma túy;
- i) Những căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

2. Khi có căn cứ cho rằng người có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan, người có thẩm quyền xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật Phòng, chống ma túy tiến hành xét nghiệm. Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể thực hiện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Điều 39. Kinh phí cho việc thực hiện biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Kinh phí cho việc tổ chức xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này gồm:

- a) Chi phí công cụ xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể;
- b) Chi phí đưa người bị xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể tới nơi thực hiện xét nghiệm;
- c) Chi phí đề nghị cơ quan chuyên môn thực hiện xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể (nếu có).

2. Kinh phí cho việc xác định tình trạng nghiện khi phát hiện người sử dụng trái phép chất ma túy thuộc trường hợp phải xác định tình trạng nghiện theo quy định tại khoản 8 Điều 27 của Luật Phòng, chống ma túy gồm:

- a) Chi phí đưa người bị đề nghị xác định tình trạng nghiện đến nơi thực hiện xác định tình trạng nghiện và chi phí ăn, ở của người bị đề nghị xác định tình trạng nghiện trong thời gian theo dõi để xác định tình trạng nghiện (trừ trường hợp người bị tạm giữ để xác định tình trạng nghiện);
- b) Chi phí đề nghị cơ sở y tế tiến hành xác định tình trạng nghiện.

3. Kinh phí trong quá trình quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy gồm:

a) Chi phí cho việc chuyển giao người sử dụng trái phép chất ma túy và hồ sơ liên quan về Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quản lý;

b) Chi phí hỗ trợ cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người đang trong thời hạn quản lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định này;

4. Các khoản kinh phí quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương cho các cơ quan chức năng thực hiện các công việc quy định tại tại khoản 1, 2 và 3 Điều này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Mức hỗ trợ người được phân công giúp đỡ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không thấp hơn 25% mức lương cơ sở.

Điều 40. Thu thập thông tin, tài liệu để lập Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Khi có kết quả xét nghiệm quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này là dương tính thì cơ quan Công an nơi phát hiện người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm:

a) Thực hiện xác minh nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 41 Nghị định này;

b) Gửi thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú hoặc nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và lập Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản tóm tắt lý lịch người sử dụng trái phép chất ma túy theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; kết quả xác minh nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Tài liệu, biên bản về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tài liệu về những lần sử dụng trái phép chất ma túy trước đây hoặc cai nghiện của người vi phạm (nếu có);

đ) Bản tường trình của người sử dụng trái phép chất ma túy theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Trường hợp người đó thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Phòng, chống ma túy thì phải có kết quả xác định tình trạng không nghiện ma túy của đối tượng.

3. Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thu thập tài liệu để lập Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

Điều 41. Xác minh nơi cư trú và gửi hồ sơ

1. Trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan Công an nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm xác minh nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với các địa bàn là vùng miền núi, hải đảo, vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn xác minh nơi cư trú có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Tiêu chí xác định người có nơi cư trú ổn định:

a) Người có nơi cư trú ổn định là người hiện đang sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú;

b) Trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú, tạm trú thì nơi cư trú ổn định là nơi ở hiện tại theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Cư trú và thời gian thường xuyên sinh sống từ 30 ngày trở lên, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã.

3. Tiêu chí xác định người không có nơi cư trú ổn định:

a) Người có đăng ký thường trú hoặc tạm trú nhưng không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú về việc người đó không sinh sống ở nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú và không biết người đó đang ở đâu;

b) Thành viên gia đình theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng không biết người đó hiện nay đang ở đâu, làm gì và cơ quan Công an tra cứu dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, hệ thống tàng thư hồ sơ cư trú, tàng thư căn cước công dân cũng không xác định được người đó đang ở đâu;

c) Người không có cả nơi thường trú, tạm trú và thời gian sinh sống ở nơi ở hiện tại dưới 30 ngày.

4. Việc xác minh nơi cư trú và trả lời xác minh về cư trú thực hiện theo quy định của pháp luật về cư trú và hướng dẫn của Bộ Công an.

5. Trường hợp người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác minh, cơ quan Công an nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và gửi các tài liệu liên quan cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú ổn định.

6. Trường hợp người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác minh, cơ quan Công an nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và các tài liệu liên quan cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Điều 42. Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú ổn định hoặc nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với người không có nơi cư trú ổn định ra quyết định và tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 23 của Luật Phòng, chống ma túy.

2. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thực hiện theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ:

a) Tóm tắt hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy trong cơ thể; kết quả xác định tình trạng nghiện là không nghiện (nếu có);

b) Phân công Công an cấp xã lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy quản lý tại địa phương và tổ chức thực hiện việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể trong thời hạn quản lý;

c) Phân công Tổ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy do cán bộ Công an cấp xã làm Tổ trưởng; đại diện thôn/tổ dân phố làm Tổ phó; đại diện gia đình của người sử dụng trái phép chất ma túy hoặc người uy tín trong dòng họ, đại diện tổ chức chính trị - xã hội (căn cứ vào nhân thân của người sử dụng trái phép chất ma túy) và nhân viên công tác xã hội (nếu có) làm tổ viên; phân công một thành viên Tổ quản lý trực tiếp thực hiện các nội dung tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy.

3. Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy có hiệu lực từ ngày ký.

4. Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy được lưu tại hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy 01 bản, gửi cho người được quản lý 01 bản, gửi Công an cấp xã là tổ trưởng 01 bản, gửi 01 bản đến đại diện gia đình để tham gia quản lý.

Điều 43. Thời hạn quản lý và cách tính thời hạn quản lý

1. Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định quản lý.

2. Trong thời hạn quản lý, nếu người đang có quyết định quản lý bị phát hiện tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 23 của Luật Phòng, chống ma túy thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền ra Quyết định quản lý mới, trong đó xác định lại thời hạn quản lý là 01 năm, kể từ ngày ra Quyết định quản lý mới.

3. Trường hợp người đang trong thời hạn quản lý chuyển nơi cư trú thì thời hạn quản lý được tính tiếp từ ngày chuyển đi tới khi hết thời gian quản lý còn lại.

Điều 44. Nội dung quản lý

1. Mục đích quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ.

2. Nội dung quản lý:

a) Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý;

b) Tư vấn về tâm lý, thay đổi thái độ của người sử dụng trái phép chất ma túy để họ có thái độ tích cực, chủ động tránh xa ma túy;

c) Giáo dục về pháp luật phòng, chống ma túy, tác hại của ma túy, các nội dung khác tùy theo đặc điểm nhân thân;

d) Động viên, giúp đỡ để người sử dụng trái phép chất ma túy tham gia các hoạt động cộng đồng, hoạt động tự quản, hoạt động thể dục, thể thao, các phong trào giúp ích cho xã hội để nâng cao sức khỏe, kỹ năng sống, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Đối với người sử dụng trái phép chất ma túy dưới 18 tuổi thì phải đảm bảo việc học văn hóa và những người được phân công tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ phải có sự tham gia của giáo viên nơi người đó đang học hoặc đội thiếu niên tiền phong, đoàn thanh niên.

Điều 45. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể trong thời hạn quản lý

1. Công an cấp xã nơi quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thực hiện hoặc đề nghị cơ quan, người có chuyên môn thực hiện việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời hạn quản lý.

2. Việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được tiến hành đột xuất đối với người đang trong thời hạn quản lý khi Cơ quan Công an cấp xã có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này.

Điều 46. Quy định về việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

1. Đối với người thuộc trường hợp phải xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể thì cơ quan, người có thẩm quyền xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể mời người đó đến địa điểm xét nghiệm để thực hiện việc xét nghiệm.

Trường hợp người đó không hợp tác thực hiện xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể thì Cơ quan Công an triệu tập người đó đến địa điểm xét nghiệm để lấy mẫu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể. Người thuộc trường hợp phải xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể phải có mặt khi được Cơ quan Công an yêu cầu.

2. Hình thức lấy mẫu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể là lấy máu, lấy nước tiểu, thông tiểu hoặc lấy các mẫu vật khác trên cơ thể.

3. Các buồng chờ xét nghiệm và nơi lấy mẫu phải chia khu vực dành cho nam riêng, nữ riêng. Nơi không có buồng chờ riêng thì bố trí cho nam, nữ đứng riêng và nơi lấy mẫu phải có buồng nam, nữ riêng.

Việc lấy mẫu nước tiểu phải có cán bộ cùng giới giám sát.

4. Trường hợp lấy mẫu xét nghiệm người dưới 18 tuổi phải có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp lấy mẫu nước tiểu.

Điều 47. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp chuyển đi khỏi nơi cư trú

1. Ít nhất 01 lần trong tháng, Công an cấp xã nơi quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy phải kiểm tra, cập nhật nơi cư trú của người đang trong thời hạn quản lý.

2. Khi người sử dụng trái phép chất ma túy thay đổi nơi cư trú thì Công an cấp xã nơi chuyển đến phối hợp với Công an cấp xã nơi đang quản lý để kiểm tra, xác minh thông tin. Sau khi xác minh, Công an cấp xã nơi đang quản lý thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang quản lý biết.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người đó chuyển đến nơi cư trú mới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến thông báo và chuyển hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến tiếp tục quản lý.

3. Công an cấp xã có trách nhiệm thường xuyên cập nhật nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy vào cơ sở dữ liệu về cư trú, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 48. Dừng, chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang quản lý ra Quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy đối với các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 23 của Luật Phòng, chống ma túy theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý ra Quyết định chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong trường hợp hết thời hạn quản lý mà không phát hiện người bị quản lý có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra Quyết định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Quyết định cho cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 42 Nghị định này.

Điều 49. Công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Cơ quan Công an cấp xã nơi lập hồ sơ chịu trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ của người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Bộ Công an.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN

Điều 50. Bộ Công an

1. Chỉ đạo cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và Hải quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, điều tra, xử lý tội phạm về ma túy.
2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.
 - a) Tổng hợp kế hoạch, kết quả thực hiện kế hoạch tổng thể dài hạn và hằng năm về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy của các bộ, ngành, địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;
 - b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân, địa phương thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy trong phạm vi lĩnh vực và địa bàn quản lý nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó vào mục đích bất hợp pháp;
3. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ Công an về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh.
4. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế, kế hoạch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện thống kê nhà nước về nhập khẩu mẫu, lấy mẫu, quản lý và sử dụng mẫu các chất ma túy.
5. Chỉ đạo cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thực hiện nhiệm vụ cho phép các hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 19 và khoản 1 Điều 23 của Nghị định này; thực hiện thống kê nhà nước, hợp tác quốc tế về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy và quản lý, vận hành Trung tâm Dữ liệu kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; thường trực thực hiện nhiệm vụ của Tổ Công tác liên ngành phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy cấp trung ương và hướng dẫn, kiểm tra Tổ Công tác liên ngành phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này.
6. Chỉ đạo lực lượng Công an các cấp thực hiện và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan phát hiện, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

7. Hướng dẫn Công an cấp xã lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy.

Điều 51. Bộ Quốc phòng

1. Chỉ đạo cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng chủ trì thực hiện các hoạt động phòng ngừa; ngăn chặn ma túy thẩm lậu vào Việt Nam; kịp thời phát hiện, bắt giữ tội phạm về ma túy xảy ra ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật; thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, Cảnh sát biển, Hải quan trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về ma túy.

2. Chỉ đạo cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Cảnh sát Biển Việt Nam chủ trì thực hiện các hoạt động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, điều tra, xử lý tội phạm về ma túy trên biển; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Công an và chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các hoạt động phòng, ngừa, đấu tranh với tội phạm về ma túy.

3. Cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu tiền chất vì mục đích quốc phòng theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 23 và thực hiện quy định về phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy tại Nghị định này.

4. Phối hợp với cơ quan hữu quan của nước khác để phát hiện, ngăn chặn các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất qua biên giới theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Bộ Tài chính

1. Chỉ đạo cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Hải quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng và Cảnh sát biển trong kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và phối hợp với các lực lượng chức năng xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm về ma túy trong địa bàn hoạt động của Hải quan.

2. Chủ trì, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi thường xuyên đảm bảo cho các hoạt động phối hợp, kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma tuý vào dự toán chi ngân sách nhà nước thường xuyên của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Chỉ đạo cơ quan Hải quan thực hiện thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với các hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất tái nhập, vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất theo quy định của pháp luật Hải quan; thực hiện quy định về phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy tại Nghị định này.

Điều 53. Bộ Y tế

Thực hiện quy định về phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy tại Nghị định này.

Điều 54. Bộ Công Thương

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nghiên cứu, kiểm nghiệm, sản xuất, kinh doanh, sử dụng tiền chất công nghiệp theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Hóa chất và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cấp, thu hồi giấy phép các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 19 và thực hiện quy định về phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy tại Nghị định này.

Điều 55. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Thủ y và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Ban hành danh mục thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất và danh mục chất ma túy, tiền chất là nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

3. Cấp, thu hồi giấy phép các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 19 và thực hiện quy định về phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy tại Nghị định này.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 56. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các hoạt động phối hợp của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy và quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương theo quy định của pháp luật về Ngân sách nhà nước.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:
 - a) Nghị định số 80/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ hướng dẫn việc kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy ở trong nước;
 - b) Nghị định số 58/2003/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định về kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;
 - c) Nghị định số 45/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn việc nhập khẩu mẫu, lấy mẫu, quản lý sử dụng mẫu các chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần vì mục đích quốc phòng, an ninh;
 - d) Quyết định số 133/2002/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp giữa lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và Hải quan trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy tại địa bàn biên giới, cửa khẩu và trên biển;
 - đ) Quyết định số 52/2011/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

Điều 58. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ đề nghị cho phép nghiên cứu, sản xuất chất ma túy, tiền chất và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị định số 80/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ hướng dẫn việc kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy ở trong nước tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ có yêu cầu thực hiện theo quy định của Nghị định này.
2. Hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần qua lãnh thổ Việt Nam đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị định số 58/2003/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định về kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức đã nộp hồ sơ có yêu cầu thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Điều 59. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cảng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). **110**



**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính